

### III. XỬ LÝ VI PHẠM

Mọi hành vi vi phạm các quy định tại Thông tư này sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Các văn bản do Tổng cục Hải quan đã ban hành hướng dẫn về thủ tục hải quan đối với hành lý xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh của những người được quyền ưu đãi và miễn trừ bao gồm: Công văn số 413/TCHQ-GSQL ngày 10/3/1995; Công văn số 1704/TCHQ-GSQL ngày 22/7/1995; Chỉ thị số 275/TCHQ-GSQL ngày 18/10/1995; Công văn số 2344/TCHQ-GSQL ngày 26/7/1996; Công văn số 2817/TCHQ-GSQL ngày 31/8/1996 đều bãi bỏ.

3. Bộ Ngoại giao và Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp xem xét giải quyết kịp thời những vụ việc phát sinh, vướng mắc và hàng năm tổ chức họp rút kinh nghiệm việc thực hiện các quy định tại Thông tư này.

4. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện các quy định tại Thông tư này và niêm yết công khai ở những nơi quy định để mọi người biết và thực hiện./.

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao  
*Thủ trưởng*

NGUYỄN ĐÌNH BIN

KT. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan  
*Phó Tổng cục trưởng*

NGUYỄN NGỌC TỨC

### TÀI CHÍNH - QUỐC PHÒNG

**THÔNG TƯ liên tịch số 19/2000/TTLT-BTC-BQP ngày 14/3/2000 hướng dẫn tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng tiền phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

*Thực hiện Điều 37 Nghị định số 36/1999/NĐ-CP ngày 09/6/1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Liên Bộ Tài chính - Quốc phòng hướng dẫn một số điểm như sau:*

#### I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị xử phạt tiền theo Nghị định số 36/1999/NĐ-CP, có trách nhiệm nộp tiền phạt bằng Đồng Việt Nam tại nơi quy định được ghi trong quyết định xử phạt. Đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài có thể nộp bằng ngoại tệ theo tỷ giá Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thu tiền phạt.

Mẫu quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này (\*).

2. Biên lai thu tiền phạt do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) thống nhất phát hành, quản lý và sử dụng theo chế độ quy định hiện hành.

(\*) Không in mẫu quyết định xử phạt.

**3. Lực lượng Cảnh sát biển và Kho bạc nhà nước** nơi Cục, Vùng Cảnh sát biển đặt trụ sở ký kết hợp đồng ủy nhiệm thu để thực hiện việc thu nộp tiền phạt được nhanh chóng, thuận tiện, đúng pháp luật, đảm bảo nguyên tắc người xử phạt không trực tiếp thu tiền phạt và nộp đầy đủ số tiền thu phạt vào Kho bạc nhà nước.

## II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ VỀ THỦ TỤC THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

### 1. Việc thu và nộp tiền phạt.

**1.1. Quyết định xử phạt của người có thẩm quyền** xử phạt các hành vi vi phạm hành chính theo Điều 35 Nghị định số 36/1999/NĐ-CP hoặc quyết định giải quyết khiếu nại của người có thẩm quyền là cơ sở cho việc thu tiền phạt nộp vào ngân sách nhà nước.

Quyết định xử phạt có hai loại mẫu: Mẫu số 01A/XPHC sử dụng để xử phạt trong trường hợp phải lập biên bản vi phạm; Mẫu số 01B/XPHC sử dụng để xử phạt tiền tại chỗ đến 20.000 đồng.

Người có thẩm quyền xử phạt khi ra quyết định xử phạt phải lập thành 3 bản (1 bản giao cho người bị xử phạt, 1 bản chuyển cho đơn vị Cảnh sát biển đã được ủy nhiệm thu, 1 bản lưu tại cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt).

Đối với quyết định phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên phải lập thêm một bản quyết định xử phạt gửi cho Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nơi Vùng, Cục Cảnh sát biển đặt trụ sở hoặc nơi phát hiện hành vi vi phạm hành chính.

**1.2. Kho bạc nhà nước nơi Cục, Vùng Cảnh sát biển đặt trụ sở** ủy nhiệm cho đơn vị Cảnh sát biển thu tiền phạt vi phạm hành chính. Việc ủy nhiệm thu tiền phạt phải thông qua Hợp đồng ủy nhiệm. Nội dung Hợp đồng ủy nhiệm theo Mẫu của Kho bạc nhà nước trong đó xác định rõ trách nhiệm của mỗi bên.

**1.2.1. Trách nhiệm của Kho bạc nhà nước** nơi Cục, Vùng Cảnh sát biển đặt trụ sở trực tiếp thực hiện ủy nhiệm thu:

- Giao đầy đủ biên lai và chứng từ liên quan đến việc thu tiền phạt cho đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu. Việc giao nhận biên lai thu tiền phạt được thực hiện như quy định về việc giao biên lai cho các bản thu tiền phạt được quy định tại điểm 3 Mục II của Công văn số 527-KB/CD ngày 25/7/1995 của Kho bạc nhà nước;

- Hướng dẫn các đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu sử dụng các liên biên lai và thủ tục nộp tiền vào Kho bạc theo đúng chế độ quy định của Bộ Tài chính;

- Thanh toán đầy đủ phí ủy nhiệm cho đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu;

- Kiểm tra định kỳ và đột xuất việc sử dụng biên lai chứng từ thu tiền phạt.

**1.2.2. Trách nhiệm của đơn vị Cảnh sát biển** được ủy nhiệm thu:

- Nhận, sử dụng, bảo quản và quyết toán biên lai thu tiền phạt theo đúng quy định của Kho bạc nhà nước ủy nhiệm;

- Thông báo kịp thời khi phát hiện biên lai giả, biên lai bị mất hoặc hư hỏng cho Kho bạc nhà nước đã ủy nhiệm thu;

- Chịu trách nhiệm về vật chất quy định tại tiết 6.1 điểm 6 Mục II Công văn số 527-KB/CD ngày 25/7/1995 của Kho bạc nhà nước nếu làm hư hỏng, mất biên lai thu tiền phạt;

- Thực hiện đúng Hợp đồng thu tiền phạt do Kho bạc nhà nước đã ủy nhiệm.

**1.2.3. Về phí ủy nhiệm:**

Phí ủy nhiệm do Kho bạc nhà nước trực tiếp ủy nhiệm và đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thỏa thuận thống nhất trong Hợp đồng ủy nhiệm có

tính đến những chi phí đặc thù của Lực lượng Cảnh sát biển khi thực hiện thu tiền phạt trên các vùng biển, hải đảo xa bờ. Phí ủy nhiệm được sử dụng trong sổ kinh phí do Sở Tài chính - Vật giá cấp để thanh toán cho đơn vị được ủy nhiệm. Phí ủy nhiệm được trích từ khoản thu về tiền phạt để lại cho ngân sách địa phương.

1.3. Đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu tiền phạt phải cấp biên lai thu tiền phạt cho người bị xử phạt khi họ đã nộp đủ tiền phạt để chứng nhận đã thu đủ tiền phạt theo mức ghi trong quyết định xử phạt. Biên lai thu tiền phạt bao gồm 4 liên: 1 liên báo soát, 1 liên người bị xử phạt giữ, 1 liên lưu lại tại cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt và 1 liên lưu lại cuống biên lai. Người được giao nhiệm vụ thu tiền phạt phải đăng ký số hiệu biên lai thu tiền phạt áp dụng như quy định chung đối với các chứng từ thu tiền của Bộ Tài chính.

1.4. Người bị xử phạt có trách nhiệm nộp đủ tiền phạt theo quyết định xử phạt trong thời hạn tối đa 5 ngày kể từ ngày ra quyết định xử phạt. Khi nộp tiền phạt, người bị xử phạt được cấp liên 2 biên lai thu tiền phạt.

1.5. Trường hợp người vi phạm không thực hiện việc nộp tiền phạt theo quy định tại quyết định xử phạt, sẽ bị cưỡng chế thi hành theo Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác như: tạm giữ giấy tờ của người bị xử phạt hoặc tài sản của họ tương ứng với số tiền bị xử phạt cho đến khi người bị xử phạt nộp đủ tiền phạt theo quyết định xử phạt. Khi nộp đủ tiền phạt, người bị xử phạt được cấp liên 2 và liên 3 biên lai thu tiền phạt, liên 3 nộp lại nơi giữ giấy tờ, hoặc tài sản để làm căn cứ nhận lại giấy tờ hoặc tài sản tạm giữ.

1.6. Cuối mỗi ngày, đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu tiền phạt phải lập bảng kê biên lai thu tiền phạt trong ngày; căn cứ vào bảng kê biên lai, lập giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, đồng thời nộp toàn bộ số tiền đã thu được vào Kho bạc

nhà nước theo đúng chế độ quy định hiện hành (nơi Kho bạc nhà nước thu tiền phạt được quy định trong Hợp đồng ủy nhiệm).

Trong trường hợp tàu đi biển dài ngày, thì sau mỗi chuyến đi công tác về đơn vị Cảnh sát biển lập giấy nộp tiền và nộp toàn bộ số tiền đã thu được vào Kho bạc nhà nước.

1.7. Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, Kho bạc nhà nước và Lực lượng Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu tiền hành tổng hợp, đối chiếu toàn bộ số tiền thu phạt và số tiền xử phạt đã ra quyết định nhưng chưa nộp để có biện pháp đôn đốc truy thu hoặc cưỡng chế thi hành.

## **2. Quản lý và sử dụng tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính.**

2.1. Toàn bộ tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính trong vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phải nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục Ngân sách Nhà nước hiện hành và được để lại 100% cho ngân sách địa phương nơi đặt trụ sở Cục, Vùng Cảnh sát biển.

2.2. Việc chi phục vụ cho công tác xử lý vi phạm hành chính phải căn cứ vào điểm 6 Mục B Phần II\* Thông tư số 52-TC/CSTC ngày 12/9/1996 của Bộ Tài chính bao gồm các khoản sau đây:

- Chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện cần thiết phục vụ trực tiếp cho công tác phòng, chống các hành vi vi phạm;

- Chi bổ sung cho việc in ấn quyết định, biên bản xử phạt và các mẫu biểu khác có liên quan; chi cho công tác tuyên truyền, in ấn tài liệu; tổ chức học tập, trao đổi nghiệp vụ của Lực lượng Cảnh sát biển;

- Chi cho công tác thu thập thông tin, điều tra, xác minh, vây bắt, dẫn giải và xử lý hành vi vi phạm;

- Chi cho bảo quản lưu kho, lưu bãi, vận chuyển, bốc xếp từ khi tiếp nhận bàn giao tài sản, tang

vật, phương tiện theo quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước về cơ quan tài chính tới khi tổ chức bán đấu giá tài sản đó;

- Hỗ trợ kinh phí cho công tác cưỡng chế;

- Các khoản chi bồi dưỡng cho tập thể và cá nhân tham gia công tác xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào chất lượng và kết quả công tác đã hoàn thành, mức tối đa không quá 30% số tiền phạt thu được đối với những vụ việc phức tạp và mức bồi dưỡng tối đa cho từng cá nhân không quá 200.000 đồng/tháng;

- Chi trả cho cơ quan quyết định tịch thu tài sản sung quỹ Nhà nước những khoản chi thực tế phát sinh: chi phí điều tra xác minh, bắt giữ xử lý vi phạm và phí bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản, kiểm nghiệm, giám định tài sản, tang vật, phương tiện đã tịch thu và bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có) tới thời điểm chuyển giao cho cơ quan tài chính để tổ chức bán đấu giá;

- Chi cho công tác tổ chức định giá và bán đấu giá tài sản, tang vật, phương tiện sung quỹ Nhà nước theo đúng quy định chế độ hiện hành của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định;

- Chi thuê giám định kỹ thuật, định giá tài sản, tang vật, phương tiện trước khi tổ chức bán và bồi thường tổn thất do nguyên nhân khách quan (nếu có) cho đến khi chuyển giao cho Hội đồng định giá để tổ chức bán đấu giá;

- Chi sửa chữa tài sản, tang vật, phương tiện để bán (nếu có).

Các khoản chi phí khác thực hiện theo dự toán được duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định chung về quản lý tài chính hiện hành.

### 3. Lập dự toán chi.

Căn cứ vào các nội dung quy định tại điểm 2.2 Mục II nêu trên, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập dự toán gửi cơ quan tài chính cùng

cấp xét duyệt và tổng hợp vào ngân sách nhà nước trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

### 4. Quản lý cấp phát và quyết toán.

Sở Tài chính - Vật giá căn cứ vào dự toán ngân sách được duyệt để cấp phát cho cơ quan, đơn vị theo tiến độ thực hiện.

Các cơ quan, đơn vị sử dụng tiền chịu trách nhiệm quyết toán theo chế độ tài chính hiện hành.

## III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT TRONG VIỆC XỬ LÝ VÀ THU TIỀN PHẠT

Người có thẩm quyền xử phạt khi xử lý các hành vi vi phạm hành chính phải căn cứ vào các quy định tại Nghị định số 36/1999/NĐ-CP ngày 09/6/1999 của Chính phủ để ra quyết định đúng mức phạt, đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn người vi phạm nộp tiền phạt đúng nơi quy định. Đối với những người vi phạm không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì người có thẩm quyền xử phạt ra quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo quy định tại Điều 55 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Kho bạc nhà nước có trách nhiệm thực hiện đúng quy định theo hợp đồng ủy nhiệm thu đã ký kết với đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm, đồng thời tập trung, hạch toán số tiền phạt vi phạm hành chính từ đơn vị Cảnh sát biển được ủy nhiệm thu vào quỹ ngân sách nhà nước theo đúng Mục lục và tỷ lệ phân chia cho các cấp ngân sách đã quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Cục Thuế và các cơ quan chức năng của địa phương nơi có trụ sở Cục, Vùng Cảnh sát biển có trách nhiệm phối hợp với đơn vị Cảnh sát biển thực hiện kiểm

tra, giám sát việc thu tiền phạt và sử dụng tiền phạt theo đúng quy định.

4. Mọi tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu, nộp và sử dụng tiền phạt đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc, Cục Cảnh sát biển phản ánh về liên Bộ để xem xét, giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
Thủ trưởng

PHẠM VĂN TRỌNG

KT. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng  
Thủ trưởng

Trung tướng NGUYỄN VĂN RINH

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI

**QUYẾT ĐỊNH số 179/2000/QĐ- BLĐTBXH**  
**ngày 22/2/2000 về việc ban hành**  
**Quy chế tạm thời về cấp và quản**  
**lý Chứng chỉ đào tạo và giáo dục**  
**định hướng cho người lao động đi**  
**làm việc có thời hạn ở nước ngoài.**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 96/CP ngày 07/12/1993

*của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 152/1999/NĐ-CP ngày 20/9/1999 của Chính phủ quy định việc người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;*

*Căn cứ Quyết định số 1635/1999/QĐ-BLĐTBXH ngày 13 tháng 12 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế Đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài,*

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời về cấp và quản lý Chứng chỉ đào tạo và giáo dục định hướng cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Quản lý lao động với nước ngoài, Giám đốc Nhà xuất bản Lao động xã hội, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc và Hiệu trưởng các cơ sở đào tạo và giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội  
Thủ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO